

Bản án số: 116/2023/HNGĐ-ST

Ngày 22-9-2023

“V/v Ly hôn giữa chị Th và anh Th1”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN AN BIÊN, TỈNH KIÊN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đinh Thị Thơm

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Trần Thu Trang và bà Trần Thị Mộng Lành.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Mau - Thư ký Tòa án nhân dân huyện An Biên, tỉnh Kiên Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện An Biên tham gia phiên tòa: Ông Trang Minh Tú - Kiểm sát viên.

Trong ngày 22 tháng 9 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện An Biên, tỉnh Kiên Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 113/2023/TLST-HNGĐ ngày 11 tháng 4 năm 2023 về việc “Ly hôn, tranh chấp nuôi con chung” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 210/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 24 tháng 8 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số 155/2023/QĐST-HNGĐ ngày 11 tháng 9 năm 2023, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thanh Th, sinh năm 1989

Địa chỉ: Ấp An T, xã Đ, huyện G, tỉnh Kiên Giang. (Có mặt)

2. Bị đơn: Anh Lê Văn Th1, sinh năm 1982

Địa chỉ: Ấp H, xã N, huyện A, tỉnh Kiên Giang. (Vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và những ý kiến tại Tòa án chị Nguyễn Thanh Th trình bày như sau:

Chị Nguyễn Thanh Th (gọi tắt là chị Th) và anh Lê Văn Th1 (gọi tắt là anh Th1) chung sống với nhau vào ngày 10/02/2010 (âm lịch) hôn nhân tự nguyện có tổ chức đám cưới nhưng không có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật.

Sau khi vợ chồng về sống chung chị Th gặp nhiều áp lực làm dâu từ phía gia đình bên chồng, những ngày lễ tết cả gia đình anh chị em đều tụ họp về gia đình chồng của chị Th để sinh hoạt chung và chị Th phải gánh vác mọi công việc trong gia đình mà không có ai phụ giúp, suốt nhiều năm chị Th chịu đựng nhưng không có ai để chia sẻ đồng thời anh Th1 cũng không lo làm ăn mà tham gia cờ bạc, ăn chơi. Do không chịu được áp lực một mình phải lo cho tất cả gia đình chồng nên chị Th bỏ về nhà cha mẹ ruột sống được vài tháng thì anh Th1 có vợ khác nên vợ chồng đã sống ly thân với nhau từ năm 2019 cho đến nay. Đến nay vợ chồng không còn tình cảm với nhau không thể duy trì hôn nhân nên chị Th đề nghị Tòa án giải quyết cho ly hôn với anh T1.

Về con chung: Chị T xác định vợ chồng có một người con chung tên Lê Khánh B, sinh ngày 27/11/2010, khi ly hôn chị Th xin được nuôi dưỡng cháu Lê Khánh B, không yêu cầu anh Th1 cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung và nợ chung của vợ chồng: Chị Th xác định vợ chồng không có tài sản chung và nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết

Quá trình làm việc tại Tòa án và tại phiên tòa - bị đơn anh Lê Văn Th1 vắng mặt và không có yêu cầu phản tố không gửi văn bản trình bày ý kiến trước yêu cầu xin ly hôn của chị Nguyễn Thanh Th.

Ý kiến trình bày của con chung: Cháu Lê Khánh B, sinh ngày 27/11/2010 có nguyện vọng được sống với mẹ sau khi cha mẹ ly hôn.

Thu thập chứng cứ: Nguyên đơn cung cấp Đơn xác nhận chưa đăng ký kết hôn (bản chính); giấy căn cước công dân và sổ hộ khẩu (Bản công chứng); giấy khai sinh của con chung vợ chồng; Bị đơn không cung cấp chứng cứ.

Ý kiến của Kiểm sát viên tại phiên tòa: Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đảm bảo đúng theo quy định, bị đơn anh Lê Văn Th1 vắng mặt tại phiên tòa đề nghị áp dụng khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt bị đơn. Không có kiến nghị phản tố tụng.

Nội dung giải quyết vụ án: Đề nghị áp dụng Điều 53 Luật hôn nhân và gia đình không công nhận vợ chồng giữa chị Th và anh Th1. Về con chung giao con chung cho chị Th nuôi dưỡng sau khi anh chị ly hôn. Về cấp dưỡng nuôi con chung chị Th không có yêu cầu nên không xem xét giải quyết. Về tài sản chung và nợ chung các đương sự không có yêu cầu nên không giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

Thẩm quyền giải quyết vụ án: Bị đơn có nơi cư trú trên địa bàn huyện An Biên. Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện An Biên, tỉnh Kiên Giang.

Tại phiên tòa anh Lê Văn Th1 đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai mà vẫn vắng mặt không có lý do, căn cứ vào khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự Hội đồng xét xử thống nhất xét xử vắng mặt anh Th1.

[2] Về nội dung vụ án:

Quan hệ pháp luật: Chị Th yêu cầu ly hôn với anh Th1 và yêu cầu giải quyết về con chung khi ly hôn nên quan hệ pháp luật được xác định là “Ly hôn, tranh chấp nuôi con chung”.

Xét yêu cầu xin ly hôn của chị Th, Hội đồng xét xử xét thấy: Tại Tòa án chị Th xác định anh chị chung sống với nhau vào năm 2010 cho đến nay chưa thực hiện đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật, trong Đơn xác nhận chưa đăng ký kết hôn ngày 21/02/2023 được Ủy ban nhân dân xã Nam Yên, huyện An Biên xác nhận tình trạng hôn nhân “Qua tra cứu bộ lưu đăng ký kết hôn tại UBND xã Nam Yên không tìm thấy Nguyễn Thanh Th, sinh ngày 05/9/1989 và Lê Văn Th1, sinh năm 1982 đăng ký kết hôn” và Đơn xác nhận chưa đăng ký kết hôn ngày 21/3/2023 được Ủy ban nhân dân xã Định An, huyện Gò Quao xác nhận tình trạng hôn nhân “Qua tra cứu sổ lưu đăng ký kết hôn tại UBND xã Định An kết quả không tìm thấy Nguyễn Thanh Th, sinh ngày 05/9/1989 và Lê Văn Th1, sinh năm 1982 trong sổ lưu”. Như vậy, chị Th và anh Th1 chung sống nhưng không thực hiện đăng ký kết hôn theo quy định của Luật Hôn nhân và gia đình nên hôn nhân của anh chị không làm phát sinh quyền, nghĩa vụ giữa vợ và chồng. Căn cứ vào Điều 9, Điều 14 và Điều 53 của Luật hôn nhân gia đình năm 2014, qua thảo luận và nghị án Hội đồng xét xử thống nhất tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị Th và anh Th1.

Về con chung: Chị Th và anh Th1 có một người con chung cháu Lê Khánh B, sinh ngày 27/11/2010, từ khi anh chị ly thân đến nay con chung sống với chị Th có cuộc sống ổn định và phát triển bình thường hiện tại chị Th có chỗ ở ổn định và có thu nhập để nuôi dưỡng con, cháu Lê Khánh B cũng có nguyện vọng được sống với chị Th khi cha mẹ ly hôn đồng thời anh Th1 không có ý kiến phản đối việc chị Th đề nghị được nuôi con chung. Do đó Hội đồng xét xử thống nhất giao cháu Lê Khánh B cho chị Th tiếp tục nuôi dưỡng để không làm xáo trộn cuộc sống của con chung.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Chị Th không yêu cầu anh Th1 cấp dưỡng nuôi con nên không xem xét.

Về tài sản chung của vợ chồng: Các đương sự không có yêu cầu nên không xem xét giải quyết.

Về nợ chung của vợ chồng: Không ai có yêu cầu nên không xem xét giải quyết.

[3] Về án phí hôn nhân sơ thẩm: Căn cứ Điều 144 và Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 Nghị quyết quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án buộc chị Th là nguyên đơn chịu toàn bộ án phí ly hôn sơ thẩm.

[4] Về ý kiến phát biểu về việc tuân theo pháp luật tố tụng và đề nghị hướng giải quyết vụ án của đại diện Viện kiểm sát huyện An Biên tại phiên tòa là có cơ sở và căn cứ pháp luật nên Hội đồng xét xử đã xem xét và ghi nhận trong quá trình giải quyết vụ án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 271 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

- Áp dụng Điều 9, Điều 14, Điều 53, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 Luật hôn nhân gia đình năm 2014;

- Áp dụng vào khoản 5 Điều 27 Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thanh Th.

1. Về quan hệ hôn nhân: Tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị Nguyễn Thanh Th và anh Lê Văn Th1.

2. Về con chung: Giao cháu Lê Khánh B, sinh ngày 27/11/2010 cho chị Nguyễn Thanh Thủy nuôi dưỡng sau khi chị Nguyễn Thanh Th và anh Lê Văn Th1 không tiếp tục chung sống.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Chị Nguyễn Thanh Th không yêu cầu anh Lê Văn Th1 cấp dưỡng nuôi con nên không xem xét trách nhiệm cấp dưỡng nuôi con.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền đến thăm nom và chăm sóc con chung mà không ai được cản trở. Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó. Khi cần thiết anh, chị có quyền thay đổi người trực tiếp nuôi con và yêu cầu cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

3. Về tài sản chung và nợ chung của vợ chồng: Các đương sự không có yêu cầu nên không xem xét.

4. Về án phí: Chị Nguyễn Thanh Th1 có nghĩa vụ nộp tiền án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng), nhưng được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu số 0004023 ngày 07/4/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện An Biên, tỉnh Kiên Giang. Chị Nguyễn Thanh Th đã nộp đủ án phí.

5. Báo quyền kháng cáo: Án xử công khai sơ thẩm, nguyên đơn có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án này trong hạn luật định là 15 ngày kể từ ngày tuyên án ngày 22/9/2023, bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ nhận nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ.

"Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự"./.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nơi nhận:

- TAND tỉnh;
- VKSND huyện;

- THADS huyện;
- Các đương sự;
- Lưu, HS, VP.

(Đã ký)

Đinh Thị Thơm